

Bản án số: 40/2024/HS-PT

Ngày: 06 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lâm Bách

Ông Cao Thiện Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Lương Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Lê Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Đ (tên gọi khác: Q), sinh năm 1996 tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê M và bà Lê Thị Khánh L; Vợ là Hồ Thị Thu P, có 01 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/6/2022, bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong ngày 29/6/2022.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại không kháng cáo, không triệu tập: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 ngày 27/10/2023, Lê Đ (tên gọi khác: Quậy) điều khiển xe mô tô Wave màu xanh biển kiểm soát 85R5 - 2463 (thuộc quyền sở hữu của chị Lê Thị Nhã T1, sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã P, huyện N) đi từ công ty N đến nhà bà Đoàn Thị T (là mẹ của chị T1), sinh năm 1957, trú tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để lấy băng keo dán thùng. Khi đến nhà bà T, Đ thấy trong nhà không có người nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ vào phòng ngủ của bà T thì thấy tủ có cắm sẵn chìa khóa nên Đ mở cửa tủ và lấy số tiền 24.500.000 đồng và số vàng: 06 chiếc nhẫn loại vàng 24K (trong đó có 05 chiếc nhẫn trơn không có hoa văn: 02 chiếc trị giá 01 chỉ vàng và 03 chiếc trị giá mỗi chiếc là 0,5 chỉ vàng; 01 chiếc nhẫn lớn có đính đá màu xanh trị giá 0,5 chỉ vàng). Sau khi lấy xong Đ khóa lại cửa tủ, để chìa khóa dưới hộc tủ và chạy xe đi tới Ngân hàng V1 trên đường A thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận để nộp vào sổ tài khoản của mình số 1036794303 số tiền 20.000.000 đồng rồi quay về Công ty N để tiếp tục làm việc. Khoảng 08 giờ 30 ngày 28/10/2023, Đ chạy xe tới tiệm V2 có địa chỉ ở gần chợ P - T để bán số vàng mà Đ đã trộm cắp được với số tiền là 22.300.000 đồng, số tài sản do trộm cắp mà có được Đ sử dụng cụ thể như sau: Đăng trả cho bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1972, trú tại khu phố D, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 1.800.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận số tiền 500.000 đồng; trả cho anh Trương Tấn H1, sinh năm 1989, trú tại khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận số tiền 5.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân số tiền 23.100.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 27/10/2023, bà Đoàn Thị T phát hiện việc mình bị mất trộm nên đã đến Công an xã P trình báo sự việc. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an, Lê Đ thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp số tiền còn lại là 16.400.000 đồng cho Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/KLĐGTS-HĐĐG ngày 24/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N đã kết luận: 02 chiếc nhẫn vàng trơn, không có hoa văn họa tiết, loại vàng 24K, khối lượng 01 chỉ/nhẫn có đơn giá 5.753.000 đồng/chỉ, tổng 02 chỉ có giá trị 11.506.000 đồng; 03 chiếc nhẫn vàng trơn, không có hoa văn họa tiết, loại vàng 24K, khối lượng 0,5 chỉ/nhẫn có đơn giá 5.753.000 đồng/chỉ, tổng 1,5 chỉ có giá trị 8.629.500 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, có đính đá màu xanh, khối lượng 0,5 chỉ, có đơn giá 5.753.000 đồng/chỉ, tổng 0,5 chỉ có giá trị 2.876.500 đồng. Tổng cộng giá trị của các tài sản nêu trên là 23.012.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đ trộm cắp là 47.512.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đ (tên gọi khác: Q) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đ (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/3/2024, bị cáo Lê Đ kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ và bổ sung thêm kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Đ là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về nội dung: Bị cáo Lê Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm bị hại bà Đoàn Thị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trộm cắp còn lại cho bị hại, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo mới sinh con nhỏ. Xét bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, tuyên bị cáo mức án từ 06 - 09 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Đ kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Để có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/10/2023, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, Đ đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị T số tiền 24.500.000 đồng và số vàng: 06 chiếc nhẫn loại vàng 24K trị giá 23.012.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 47.512.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Đ:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và chỉ xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là đã xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại giai đoạn sơ thẩm bị hại bà Đoàn Thị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa ghi nhận và áp dụng là có thiếu sót. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo mới sinh con nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đ (Q); Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đ (Q) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đ (Q) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo Lê Đ (Q) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06 - 6 - 2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND, TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- PV 27 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV- THA; HCTP;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Hưng Dũng